

Mã SV	Họ	Tên	Phá	Ng	Bản	Bản	Bản	Giá	Lý
			i	ày	sao	sao	sao	y c	lịch
			Sin	Bản	GK	am	HS		
			h	học	g T	Sin	kết	SV	
				bạ	NP	h	PV		
					TT		N		
					H				
K35.	Võ	An		1 201	X				
904.	Hoàng	h		91					
001	Quế								
K35.	Nguyễn	Diễn		1 200	X				
904.	n Thị	m		391					
003	Kiều								
K35.	Trịnh	Ho		1 303					
904.	Thị	ài		90					
008									
K35.	Hoàng	Họ		1 231					
904.	Thị	at		188					
009									
K35.	Nguyễn	Hu		1 290	X				
904.	n Thị	ơng		891					
011	Diễm								
K35.	Trần	Kiê		1 104	X				
904.	Thị	n		91					
012									
K35.	Trần	Lan		1 280	X				
904.	Thị			891					
013	Ngọc								
K35.	Trần	Lư		1 101	X				
904.	Thị	ơng		091					
016									
K35.	Nguyễn	Ng		1 271	X				
904.	n Thị	ọc		191					
019	Kim								
K35.	Trần	Oa		1 108	X				
904.	Thị	nh		91					
021									
K35.	Nguyễn	Phú		1 271					
904.	n Thị	c		190					
023	Diễm								
K35.	Mai	Phư		1 141	X				
904.	Thu	ơng		091					
024									
K35.	Dương	Sen		1 190					
904.	Thị			589					
026									
K35.	Nguyễn	Thá		1 210					
904.	n	m		590					
028	Hồng								
K35.	Trần	Thu		1 908	X				

904. Thị 91
029